

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 30-01-2026

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Chính.

Ông Võ Văn Chanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2025/TLST -HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hà Ngọc T, sinh năm 1972 (có mặt); Căn cước công dân số: 096072010685 do Cục C về TTXH cấp ngày 14/8/2021.

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã P, tỉnh Cà Mau;

Bị đơn: Bà Trương Thị V, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn, ông Hà Ngọc T trình bày:*

Về hôn nhân: Ông Hà Ngọc T và bà Trương Thị V có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là UBND xã P, tỉnh Cà Mau).

Lý do xin ly hôn: Lúc đầu hôn nhân hạnh phúc, đến năm 2017 giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng hay cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Xét thấy hôn nhân không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên ông Hà Văn T1 yêu cầu ly hôn với bà Trương Thị V.

Về nuôi con: Không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn – Bà Trương Thị V1*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà bà V1 không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc ông T1 yêu cầu ly hôn, về phần nuôi con, tài sản chung và công nợ. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà Trương Thị V vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn trình bày: Bảo lưu yêu cầu khởi kiện, ngoài ra không có thêm yêu cầu khác.

Bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng.

Ông Hà Ngọc T yêu cầu ly hôn với bà Trương Thị V ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp “Xin ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; do bà V cư trú tại ấp K, xã P, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung một số Điều năm 2025).

Bà Trương Thị V đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà V.

[2]. Về nội dung vụ án.

- Về hôn nhân: Ông Hà Ngọc T và bà Trương Thị V có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là UBND xã P, tỉnh Cà Mau), theo giấy chứng nhận kết hôn (bản sao) thể hiện số 04, quyển 01/2012 ngày đăng ký 05/12/2012, vì vậy quan hệ giữa ông Hà Ngọc T và bà Trương Thị V được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Ông Hà Ngọc T xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến mất hạnh phúc nên ông Hà Ngọc T yêu cầu ly hôn với bà Trương Thị V. Tòa án đã triệu tập bà V nhiều lần để tham gia hòa giải và xét xử nhưng bà vắng mặt không lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của ông T, cho thấy bà V không thiện chí hàn gắn hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hà Ngọc T với bà Trương Thị V theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con, chia tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Ông Hà Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 220, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho ông Hà Ngọc T ly hôn với bà Trương Thị V.

Về nuôi con, chia tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Ông Hà Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, ông T được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002392 ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Thị hành án dân sự tỉnh Cà Mau, ông T đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Phòng THADS Khu vực 5 – Cà Mau ;
- UBND xã Phan Ngọc Hiền;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Diệu Hiền